

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:-* Bà Lữ Kim Hằng

*- Bà Lại Thị Thúy Hằng*

*Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Thị Thanh P, sinh năm: 1991

HKTT: ấp 3, xã TĐ, huyện CM, Đồng Nai.

Chỗ ở: ấp 3, xã LT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* anh Lưu Ngọc B, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp 3, xã TĐ, huyện CM, Đồng Nai.

(Anh Bảo và chị Phụng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh P trình bày: chị và anh Lưu Ngọc B tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ vào năm 2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 64/2013 – quyển số 01/2013. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B đi nhậu về gây gổ, vợ chồng cãi nhau, có khi xô xát lẫn nhau và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Anh B không chăm lo làm kinh tế gia đình và cũng không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Lưu Ngọc B.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung: Lưu Gia P, sinh ngày 24/4/2014.

Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia Ph và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

\* Bị đơn anh Lưu Ngọc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt nên không có lời khai.

\* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: cho chị P được ly hôn anh B; về con chung: giao cháu Gia Ph cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh B không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Huỳnh Thị Thanh P có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lưu Ngọc B và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Huỳnh Thị Thanh P yêu cầu ly hôn với anh Lưu Ngọc B nên chị P là nguyên đơn, còn anh B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Huỳnh Thị Thanh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P. Đối với anh Lưu Ngọc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 23/9/2020 và tham dự phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/9/2020 nhưng anh B vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị P kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, theo chị P nguyên nhân mâu thuẫn do anh B đi nhậu về gây gổ, vợ chồng cãi nhau, có khi xô xác lẫn nhau và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Anh B không chăm lo làm kinh tế gia đình và cũng không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Anh B vắng mặt nên không có lời khai về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại Công an xã TĐ thì thời gian sinh sống tại địa phương, anh B thường xuyên rượu chè và trước khi chị P bỏ đi cách đây 03 năm thì chị P có thường xuyên đến Công an xã trình bày bị chồng bạo hành. Tuy nhiên, khi Công an xã yêu cầu chị P làm đơn để được giải quyết thì chị P không làm đơn. Riêng anh B cố tình không đến Tòa án làm việc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ cho thấy anh B không muốn

hàn gắng tình cảm. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu mà không hàn gắn được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về con chung: chị Huỳnh Thị Thanh P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Gia Ph, sinh ngày 24/4/2014 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B vắng mặt không có lời khai về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên giao cháu Gia Ph cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh B không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: chị P khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị P khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh P.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Huỳnh Thị Thanh P được ly hôn anh Lưu Ngọc B.

- Về con chung: giao cháu Lưu Gia Ph, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Huỳnh Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Lưu Ngọc B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh B, chị P được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị P khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: chị P khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị P đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001850 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. CM;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TĐ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trương Thị Thùy Trang**